

sửa đổi Điểm 1 Thông tư số 66-TT/LB ngày 12-8-1994 như sau:

Phí, lệ phí lãnh sự đối với người Việt Nam định cư tại Thái Lan thu bằng 50% mức thu quy định tại Thông tư số 83-TT/LB ngày 4-10-1993.

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký. Những nội dung khác không đề cập tại Thông tư này vẫn thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 66-TT/LB ngày 12-8-1994 và Thông tư số 83-TT/LB ngày 4-10-1993 của liên Bộ Tài chính - Ngoại giao quy định về việc thu phí, lệ phí lãnh sự.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan đại diện báo cáo về Bộ Ngoại giao và Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thứ trưởng

VŨ MỘNG GIAO

THÔNG TƯ số 51/1998/TT-BTC ngày 16-4-1998 hướng dẫn thủ tục thu nộp, thẩm quyền xét miễn, giảm và quyết toán về thuế doanh thu, thuế lợi tức; thủ tục giải quyết vướng mắc về thuế.

Căn cứ Luật Thuế doanh thu, Luật Thuế lợi tức, Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Thực hiện Nghị quyết số 38-CP ngày 4-5-1994 của Chính phủ cải cách một bước thủ tục hành chính trong việc giải quyết công việc của công dân và tổ chức, Chỉ thị số 342-TTg ngày 22-5-1997 của Thủ tướng Chính phủ đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính.

Nhằm đơn giản và xử lý nhanh chóng những

thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế, Bộ Tài chính hướng dẫn bổ sung, sửa đổi một số điểm về thủ tục thu nộp, xét miễn, giảm và quyết toán về thuế doanh thu, thuế lợi tức; thủ tục về khiếu nại và giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực thuế như sau:

1. Kê khai nộp thuế:

Hàng tháng, cơ sở kinh doanh lập tờ khai tính thuế doanh thu và thuế lợi tức gửi cơ quan thuế theo thời gian quy định (trừ các hộ nộp thuế khoán). Cơ quan thuế tiếp nhận tờ khai, kiểm tra các số liệu kê khai và ra thông báo thuế gửi đối tượng nộp thuế. Định kỳ, cơ quan thuế tổ chức kiểm tra thuế tại doanh nghiệp; trước khi tiến hành kiểm tra, cơ quan thuế phải ra quyết định thành lập tổ kiểm tra, quy định rõ nhiệm vụ và thời hạn phải hoàn thành việc kiểm tra, tránh tình trạng kéo dài thời gian làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Thẩm quyền xét miễn thuế, giảm thuế và trình tự, thủ tục xét miễn, giảm thuế:

a) Cơ quan thuế trực tiếp quản lý thuế được xét miễn thuế, giảm thuế cho cơ sở kinh doanh trong các trường hợp sau đây:

- Miễn thuế doanh thu, thuế lợi tức đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh dành riêng cho lao động là người tàn tật quy định tại Thông tư số 23-TC/TCT ngày 26-4-1996 của Bộ Tài chính.

- Xét miễn thuế, giảm thuế doanh thu, thuế lợi tức đối với các cơ sở dạy nghề quy định tại Thông tư số 32-TC/TCT ngày 6-7-1996 của Bộ Tài chính.

- Miễn thuế doanh thu đối với những người già yếu, tàn tật, người sản xuất, kinh doanh nhỏ... quy định tại Điểm 1, Mục I, Phần D Thông tư số 97-TC/TCT ngày 30-12-1995 của Bộ Tài chính.

- Xét giảm thuế doanh thu đối với cơ sở kinh doanh gặp khó khăn do thiên tai, dịch họa, tai nạn bất ngờ quy định tại Điểm 2, Mục I, Phần D Thông tư số 97-TC/TCT ngày 30-12-1995 của Bộ Tài chính.

- Xét giảm thuế doanh thu đối với cơ sở kinh doanh hoạt động ở miền núi, hải đảo, khai thác thủy sản ở vùng biển xa bờ, hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ mới... quy định tại Điểm 3a, Mục I, Phần D Thông tư số 97-TC/TCT ngày 30-12-1995 của Bộ Tài chính.

- Xét giảm thuế doanh thu đối với cơ sở sản xuất mặt hàng cần thay thế hàng nhập khẩu quy định tại Điểm 3b, Mục I, Phần D Thông tư số 97-TC/TCT ngày 30-12-1995 của Bộ Tài chính.

- Xét giảm thuế doanh thu đối với cơ sở sản xuất mới thành lập quy định tại Điểm 3c, Mục I, Phần D Thông tư số 97-TC/TCT ngày 30-12-1995 của Bộ Tài chính.

- Miễn thuế lợi tức đối với những người già yếu, tàn tật, người kinh doanh nhỏ... quy định tại Điểm 1, Mục A, Phần IV Thông tư số 75A-TC/TCT ngày 31-8-1993 của Bộ Tài chính.

- Miễn thuế lợi tức đối với các hoạt động vận tải bằng phương tiện thô sơ ở miền núi... quy định tại Điểm 2, Mục A, Phần IV Thông tư số 75A-TC/TCT ngày 31-8-1993 của Bộ Tài chính.

- Miễn thuế lợi tức đối với cơ sở sản xuất mới thành lập quy định tại Điểm 3, Mục A, Phần IV Thông tư số 75A-TC/TCT ngày 31-8-1993 của Bộ Tài chính.

- Miễn thuế lợi tức đối với các cơ sở kinh doanh di chuyển địa điểm từ miền xuôi lên miền núi, hải đảo... quy định tại Điểm 4, Mục A, Phần IV Thông tư số 75A-TC/TCT ngày 31-8-1993 của Bộ Tài chính.

- Giảm thuế lợi tức đối với cơ sở sản xuất mới thành lập quy định tại Điểm 1, Mục B, Phần IV Thông tư số 75A-TC/TCT ngày 31-8-1993 của Bộ Tài chính.

Đối với các trường hợp nêu trên, sau khi kiểm tra tình hình thực tế của doanh nghiệp, cơ quan

thuế trực tiếp quản lý ra thông báo về việc miễn, giảm thuế gửi đối tượng nộp thuế, đồng thời gửi Tổng cục Thuế để báo cáo. Thông báo này làm căn cứ để quyết toán thuế hàng năm.

b) Các trường hợp khác không nêu tại Điểm a trên đây, cơ quan thuế trực tiếp quản lý thuế trình Tổng cục Thuế xét miễn thuế, giảm thuế.

Đối với các hình thức đầu tư thuộc diện khuyến khích theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước thực hiện theo quy định tại Nghị định số 7/1998/NĐ-CP ngày 15-1-1998.

3. Thủ tục quyết toán thuế:

Khi kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp tự kê khai quyết toán thuế gửi cơ quan thuế, tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu đã kê khai. Cơ quan thuế kiểm tra các chỉ tiêu trên tờ khai, ra thông báo để doanh nghiệp điều chỉnh trong trường hợp có sai sót. Cơ quan thuế lập kế hoạch kiểm tra đối với một số đơn vị có vấn đề cần phải xem xét. Trước khi tiến hành kiểm tra, cơ quan thuế phải ra quyết định thành lập tổ kiểm tra, quy định rõ nhiệm vụ và thời hạn phải hoàn thành việc kiểm tra tại doanh nghiệp.

4. Trả lời các vướng mắc, giải quyết khiếu nại về thuế:

a) Trả lời các vướng mắc về thuế:

Theo quy định của luật thuế, pháp lệnh thuế hiện hành, các đơn vị cơ sở có những vướng mắc về thuế có quyền phản ánh bằng văn bản đến cơ quan thuế.

Những vướng mắc về thuế của đối tượng nộp thuế cũng như của các cơ quan khác, cơ quan thuế các cấp phải trả lời nghiêm túc bằng văn bản và bảo đảm thời gian như sau:

Đối với những vướng mắc thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan thuế các cấp thì trong thời hạn 7 ngày cơ quan thuế phải trả lời, kể từ ngày nhận được công văn đề nghị.

Đối với những việc phức tạp và không thuộc thẩm quyền của cơ quan thuế, cơ quan thuế các cấp phải xin ý kiến cấp có thẩm quyền thì trong thời hạn 15 ngày phải trả lời, kể từ ngày nhận được công văn đề nghị.

b) Giải quyết khiếu nại về thuế:

Việc giải quyết khiếu nại về thuế thực hiện theo quy định tại các luật thuế và pháp lệnh thuế hiện hành.

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với quy định tại Thông tư này đều bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân kịp thời báo cáo Bộ Tài chính để xử lý.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thủ trưởng

VŨ MỘNG GIAO

THÔNG TƯ số 52/1998/TT-BTC ngày 16-4-1998 hướng dẫn tổ chức bộ máy kiểm toán nội bộ tại doanh nghiệp nhà nước.

Thi hành Nghị định số 59-CP ngày 3-10-1996 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh đối với doanh nghiệp nhà nước, Bộ Tài chính đã có Quyết định số 832/TC/QĐ-CDKT ngày 28-10-1997 ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước. Để thực hiện tốt công tác kiểm toán nội bộ tại doanh nghiệp, Bộ Tài chính hướng dẫn tổ chức bộ máy kiểm toán nội bộ tại doanh nghiệp nhà nước như sau:

A. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Tất cả các doanh nghiệp nhà nước bao gồm: Doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp hoạt động công ích, các tổng công ty, liên hiệp xí nghiệp, doanh nghiệp hạch toán độc lập khác đều phải tổ chức bộ máy kiểm toán nội bộ đủ năng lực để thực hiện công tác kiểm toán nội bộ theo quy định tại Quyết định số 832/TC/QĐ-CDKT ngày 28-10-1997 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Thông tư này hướng dẫn cụ thể về tổ chức bộ máy kiểm toán nội bộ đối với từng loại hình doanh nghiệp nhà nước. Các nội dung khác, thực hiện theo quy định của Quy chế kiểm toán nội bộ ban hành kèm theo Quyết định số 832/TC/QĐ-CDKT ngày 28-10-1997 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

B. CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

I. TỔ CHỨC BỘ MÁY KIỂM TOÁN NỘI BỘ TẠI CÁC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC LÀ TỔNG CÔNG TY, LIÊN HIỆP XÍ NGHIỆP (SAU ĐÂY GỌI TẮT LÀ TỔNG CÔNG TY)

Bộ máy kiểm toán nội bộ của tổng công ty được tổ chức như sau: tại tổng công ty là phòng kiểm toán nội bộ, tại các đơn vị thành viên thì tùy thuộc vào quy mô sản xuất, kinh doanh, địa bàn hoạt động tập trung hay phân tán, trình độ năng lực của kiểm toán viên có thể tổ chức thành tổ, nhóm kiểm toán nội bộ.

1. Phòng kiểm toán nội bộ của tổng công ty.

1.1. Phòng kiểm toán nội bộ tổng công ty phải được tổ chức độc lập với các phòng ban chức năng khác của tổng công ty và chịu sự chỉ đạo, lãnh